

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÔNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/DS-ST
Ngày 18 - 5 - 2023
V/v “T/c hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÔNG, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Văn Hồi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Hòe; Ông Rmah In.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông tham gia phiên tòa:
Ông Lâm Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Bông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 164/2022/TLST-DS ngày 10 tháng 11 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2023/QĐST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1979

Địa chỉ: Thôn B, xã Krông J, huyện M, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

Bị đơn: Ông Trần Văn L, sinh năm 1978.

Giấy CMND số: 240521786, cấp ngày 08/12/2017, Nơi cấp: Công an tỉnh Đắk Lắk

Địa chỉ: Thôn B, xã Yang R, huyện Krông B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T,

trình bày:

Tôi có quen biết với ông Trần Văn L, đầu tháng 4 năm 2022 ông L hỏi vay tạm tiền của tôi để mua xe máy. Tôi đồng ý cho ông L vay tiền bằng hình thức chuyển tiền vào tài khoản của ông L, thông qua dịch vụ của cửa hàng VIETTEL huyện M theo số tài khoản là 23945567 mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Á C (gọi tắt là Ngân hàng ACB), ngày 15/4/2022 tôi chuyển tiền 03 lần và ngày 23/4/2022 chuyển tiền 01 lần, chi tiết như sau:

Ngày 15/4/2022 chuyển 3 lần: Lần 1: chuyển 50.000.000 đồng; Lần 2: chuyển 40.000.000 đồng; Lần 3: chuyển 50.000.000 đồng.

Ngày 23/4/2022 chuyển 15.000.000 đồng.

Tổng cộng tôi đã cho ông Trần Văn L vay số tiền 155.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi lăm triệu đồng*). Khi vay hai bên thỏa thuận thời hạn trả nợ là đầu tháng 5 năm 2022.

Tuy nhiên, đến nay đã quá thời hạn trả nợ nhưng ông L vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Mặc dù tôi cũng đã nhiều lần gọi điện thoại cũng như nhắn tin nhưng ông L cố tình trốn tránh việc trả nợ. Nay tôi làm đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết buộc ông Trần Văn L trả toàn bộ số tiền gốc là 155.000.000 đồng, tôi không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn: ông Trần Văn L không hợp tác nên không thể làm việc được.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương: Ông Trần Văn L hiện vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn b, xã Yang R, huyện Krông B. Tuy nhiên, ông Trần Văn L không có nhà riêng mà chỉ có nhà của bố mẹ ông L.

Chứng cứ bà T cung cấp là 04 tờ Phiếu yêu cầu giao dịch tại cửa hàng Viettel M – địa chỉ: Thôn m, xã Krông J, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Các phiếu giao dịch ngày 15/4/2022 có mã giao dịch là 220415086111196, 220415086114383, 220415086106704; phiếu giao dịch ngày 24/4/2022 có mã giao dịch 220423095088484.

Quá trình tụng, Thẩm Phán – Thư ký đã trực tiếp liên hệ qua điện thoại cho ông Trần Văn L theo số điện thoại do bà T cung cấp để báo cho ông L đến Tòa án để làm việc theo quy định. Tuy nhiên, ông L có nghe điện thoại và cho rằng ông không có nợ tiền, hỏi cán bộ Tòa án đã học luật chưa và Tòa án căn cứ vào chứng cứ gì để giải quyết? sau đó ông L dùng những lời lẽ không đúng mực và thể hiện sự không

tôn trọng cán bộ Tòa án.

Tòa án cũng đã niêm yết công khai Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Tuy nhiên, ông Trần Văn L đều vắng mặt không có lý do, nên không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa nguyên đơn trình bày: Do có quen biết nên đã 4 lần cho ông L vay tiền và đều chuyển tiền vào số tài khoản 23945567 của ông Trần Văn L mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Á C giao dịch tại cửa hàng Viettel M, ông L hứa hẹn chỉ vay khoảng một tháng để mua xe máy, quá hạn một tháng bà T đã nhiều lần liên lạc bằng điện thoại để yêu cầu ông L trả nợ nhưng ông L không hợp tác và giấu địa chỉ nơi ở nên không đòi được nợ. Tại phiên tòa hôm nay bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Yêu cầu HĐXX xem xét buộc ông Trần Văn L phải trả cho bà T số tiền nợ gốc là 155.000.000 đồng, về lãi suất bà T không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa bị đơn ông Trần Văn L vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, xác định mối quan hệ tranh chấp, những người tham gia tố tụng đúng, đủ; tiến hành thu thập chứng cứ, hoà giải, tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu Thẩm phán đã chấp hành đúng với quy định tại Điều 48 BLTTDS và tiến hành các hoạt động tố tụng khác khi giải quyết vụ án theo đúng quy định của BLTTDS; Đối với thành phần HĐXX không có thành viên nào thuộc trường hợp phải thay đổi, việc hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục tổng đạt được đảm bảo đúng các quy định của BLTTDS về phiên tòa sơ thẩm.

Tại phiên tòa bị đơn ông Trần Văn L vắng mặt lần thứ hai không có lý do, quyết định hoãn phiên tòa đã được tổng đạt, do vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định.

Về nội dung: Nguyên đơn thực hiện quyền khởi kiện, cung cấp đủ tài liệu, chứng cứ chứng minh cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình; bị đơn cố tình vắng mặt không hợp tác làm việc.

Qua chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do đương sự cung cấp và tòa án thu thập được công khai và kiểm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa thì có đủ cơ sở xác định vào các ngày 15/4/2022 và ngày 23/4/2022 bà Nguyễn Thị T thông qua dịch vụ của cửa hàng VIETTEL huyện M có thực hiện 04 lần chuyển vào số tài khoản là 23945567 của ông Trần Văn L mở tại Ngân hàng ACB với số tiền là 155.000.000 đồng. Khẳng định việc ông L có vay của bà T số tiền 155.000.000 đồng là đúng thực tế và bà T khởi kiện là có căn cứ, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463; 466; 468; 470 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Trần Văn L phải trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền nợ gốc là 155.000.000 đồng. Bà T không yêu cầu tính lãi suất nên không đặt ra để giải quyết.

Ông Trần Văn L phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày và xác nhận của đương sự trước phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở lời trình bày của đương sự cũng như qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa bà Nguyễn Thị T với ông Trần Văn L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

Các văn bản tố tụng và quyết định hoãn phiên tòa đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Vào ngày 15/4/2022 và ngày 23/4/2022 bà Nguyễn Thị T cho ông Trần Văn L vay nhiều lần, các giao dịch được thực hiện tại cửa hàng Viettel M, bà T đã 04 lần chuyển vào số tài khoản 23945567 của ông Trần Văn L mở tại Ngân hàng ACB số tiền 155.000.000 đồng (ngày 15/4/2022 chuyển 03 lần và ngày 23/4/2022 chuyển 01 lần), theo đơn khởi kiện thời hạn trả nợ là cuối tháng 5 năm 2022.

Tuy nhiên, đến nay đã quá thời hạn trả nợ nhưng ông L vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Mặc dù bà T cũng đã nhiều lần đòi nợ nhưng ông L vẫn cố tình không trả. Nay bà T khởi kiện yêu cầu giải quyết buộc ông Trần Văn L trả toàn bộ số tiền gốc là 155.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất.

Hiện nay ông Trần Văn L vẫn còn đăng ký hộ khẩu tại thôn B, xã Yang R, huyện Krông B, tỉnh Đắk Lắk và không có nơi ở nào khác, ông L là chủ hộ nhưng không có nhà riêng mà chỉ có nhà của cha mẹ ông L là ông Trần Văn L1 và bà Trần Thị P, hiện nay thường xuyên vắng nhà, do không làm việc trực tiếp với ông L được nên Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của ông L và tại chính quyền địa phương nơi ông L cư trú. Tòa án cũng đã trực tiếp giao và thông qua Văn phòng thừa phát lại giao các văn bản tố tụng cho mẹ của ông L để mẹ ông L thông báo cho ông L nội dung các văn bản tố tụng đó. Qua xác minh thì bà Trần Thị P cho biết: bà đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không giao trực tiếp cho ông L được mà có thông báo cho con trai là Trần Văn T là em trai của ông L để anh T thông báo lại cho ông L được biết, bà P chỉ thông báo cho anh T qua điện thoại, hiện anh T cũng đi làm ăn xa mà không có mặt ở nhà. Bà P còn cho biết thêm là không thấy ông L về nhà và cũng không biết số điện thoại của ông L.

Qua xác minh tại Ban tự quản thôn B, xã Yang R, ông Trần Văn H - thôn trưởng thôn B, xã Yang R cho biết: có nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhờ giao cho ông Trần Văn L nhưng không giao trực tiếp được mà giao cho ông Trần Văn L1 là cha của ông L, ông L1 cam kết sẽ giao cho ông L, sau đó ông H có gặp ông L1 hỏi thì được ông L1 cho biết không liên lạc được với ông L mà thông qua điện thoại nhờ em trai ông L thông báo cho ông L biết.

Cán bộ Tòa án cũng đã gọi điện thoại theo số điện thoại mà nguyên đơn cung cấp, thông báo nội dung vụ án nhưng ông L dùng lời lẽ thể hiện sự không tôn trọng cán bộ Tòa án và cũng không đến Tòa án để làm việc.

Đối với phiếu chuyển tiền mà bà T cung cấp đó là 04 tờ Phiếu yêu cầu giao dịch tại cửa hàng Viettel M – địa chỉ: Thôn M, xã Krông J, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Các phiếu giao dịch ngày 15/4/2022 có mã giao dịch là 220415086111196 số tiền giao dịch 50.000.000 đồng, phí GD 150.000 đồng; 220415086114383 số tiền giao dịch 40.000.000 đồng, phí GD 150.000 đồng; 220415086106704 số tiền giao dịch 50.000.000 đồng, phí GD 150.000 đồng; Phiếu giao dịch ngày 24/4/2022 có mã giao dịch 220423095088484 số tiền giao dịch 15.000.000 đồng, phí GD 50.000 đồng.

Các phiếu đều có nội dung GD: cho Trần Văn L 240521786 mượn tiền, các giao dịch đều được thực hiện thành công. Trên các phiếu đều thể hiện tên khách hàng Nguyễn Thị T, số tài khoản 23945567, tên tài khoản nhận tiền Trần Văn L, ngân hàng nhận tiền ACB Ngân hàng TMCP Á C.

Các phiếu giao dịch đó đã được cửa hàng VIETTEL M là tổ chức thực hiện chuyển tiền của bà T vào tài khoản của ông L xác nhận bằng văn bản, vào ngày 15/4/2022 và ngày 23/4/2022 có việc bà T chuyển tiền 04 lần chuyển tiền vào tài khoản của ông Trần Văn L với số tiền là 155.000.000 đồng là đúng.

Tòa án không trực tiếp tổng đạt được các văn bản tố tụng cho ông Trần Văn L nhưng đã tổng đạt bằng niêm yết, thông qua người thân và cũng đã trực tiếp thông báo qua điện thoại cho ông L theo số điện thoại mà nguyên đơn cung cấp. Tuy nhiên, ông L cố tình trốn tránh không đến Tòa án để hợp tác làm việc, như vậy ông L đã tự từ bỏ quyền tham gia tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T, bà T đã cung cấp chứng cứ và các chứng cứ đó đã được Chi nhánh tập đoàn viễn thông quân đội Viettel Đắk Lắk xác nhận bằng văn bản thể hiện việc bà T thực hiện 04 lần giao dịch chuyển tiền vào tài khoản số 23945567 của ông Trần Văn L tại Ngân hàng TMCP Á C vào các ngày 15/4/2022 và ngày 23/4/2022 với tổng số tiền là 155.000.000 đồng. Đây là chứng cứ thể hiện việc bà T cho ông L vay số tiền 155.000.000 đồng, điều đó chứng minh có việc ông L vay tiền của bà T như yêu cầu khởi kiện nên việc bà T khởi kiện là hoàn toàn có căn cứ nên cần được HĐXX chấp nhận. Buộc ông Trần Văn L phải có trách nhiệm trả cho bà T khoản nợ gốc 155.000.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật. Bà T không yêu cầu tính lãi suất nên không đặt ra để giải quyết.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm là (155.000.000đ x 5%) 7.750.000 đồng. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 144, Điều 147, Điều 157, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241; 266; 267; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 463; 466; 468; 470 Bộ luật dân sự.

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T. Về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông Trần Văn L phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền nợ gốc là 155.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi lăm triệu đồng*).

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: *Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm; nếu không có thỏa thuận thì theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án. Theo quy định tại điều 357 và 468 Bộ luật dân sự.*

3. Về án phí: Buộc ông Trần Văn L phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 7.750.000 đồng (*Bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*). Nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Bông.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền 3.875.000 đồng (*Ba triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Bông theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số: 0013285 ngày 10/11/2022.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND H Krông Bông;
- THADS H Krông Bông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Văn Hồi